

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2022/HS-ST
Ngày 16-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ T VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Thị Châm**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Văn Khoe**

Ông **Vũ Văn Chương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Quỳnh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà **Lương Ngọc Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 165/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2022/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo:

Trần Đức T, sinh năm 1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; HKTT: số... đường V Phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở trước khi bị bắt: số....đường T, Phường 1, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Văn hóa: 09/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Cha: Trần Hùng C; Mẹ: Phan Thị M; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án:

+ Ngày 02/3/2011, T bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội Cướp tài sản theo Bản án số 34/2011/HSST, ngày 01/6/2013 chấp hành xong hình phạt tù.

+ Ngày 23/9/2014, T bị Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội Cướp giật tài sản (thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm) theo Bản án số 134/2014/HS-ST, ngày 04/8/2017 chấp hành xong hình phạt tù.

+ Ngày 14/9/2018, T bị Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản (thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm) theo Bản án số 54/2018/HSST. Ngày 10/02/2022, chấp hành xong án phạt tù.

Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt ngày 19/02/2022 (Có mặt).

Bị hại: Chị Trần Thị Ngọc T, sinh năm: 2001; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị M, sinh năm: 1964; Địa chỉ: số... đường T Phường 1, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Ngô Minh N, sinh năm: 1991, Địa chỉ:xã B, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Vắng mặt.

2. Anh Võ Minh T, sinh năm: 1993, Địa chỉ: Khu phố ..., thị trấn V, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 00 ngày 19/02/2022, Trần Đức T đang đi mua hải sản tại khu vực chợ “Xóm lưới”, Phường 2, thành phố Vũng Tàu thì phát hiện thấy chị Trần Thị Ngọc T đeo một sợi dây chuyền màu trắng, đang đứng đợi bạn xếp đồ lên xe ô tô đậu ở lề đường Phan Bội Châu, ngay cạnh sân bóng đá mini, Phường 2 nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vario màu nâu đen, biển số 59S2-845.78 chạy từ bên kia phần đường, theo hướng ngược chiều, nhanh chóng rẽ ngang, tiếp cận áp sát chị T và dùng tay trái giật sợi dây chuyền trên cổ chị T rồi định tẩu thoát nhưng bị chồng chị T là anh Ngô Minh N đứng gần đó kéo áo khiến T ngã xuống đường. Sau đó anh N cùng bạn là anh Võ Minh T và những người khác khống chế T giao cho Cơ quan Công an Phường 2, thành phố Vũng Tàu xử lý.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 24/KL-HĐĐG-TTHS ngày 08/3/2022 Hội đồng định giá trong TTHS- UBND thành phố Vũng Tàu kết luận: Một (01) sợi dây chuyền chất liệu vàng trắng có trọng lượng 13,97 gram có giá trị 14.669.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Trần Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên (Bút lục điều tra từ số 83 đến 95). Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, của người chứng kiến, phù hợp với các chứng cứ khác.

** Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:*

Quá trình điều tra bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

** Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:*

Cơ quan chức năng tiến hành thu giữ, tạm giữ những vật chứng, tài sản sau:

+ Một (01) sợi dây chuyền chất liệu vàng trắng có trọng lượng 13,97 gram, qua định giá có giá trị 14.669.000 đồng

+ 01 (một) xe mô tô hiệu HONDA VARIO, màu sơn nâu đen, biển số 59S2-845.78, Số máy: KF11E2336829, Số khung: MH1KF1124HK342638, đã qua sử dụng; số tiền 22.000.000 đồng tạm giữ trên người Trần Đức T.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu sơn đen, Model A1778 FCC ID: BCG-E3091A IC: 579C-E3091A đã qua sử dụng; 01 (một) tờ tiền mệnh giá 2

USD (hai đô la mỹ); 01 (một) tờ tiền mệnh giá 5 nhân dân tệ tạm giữ trên người Trần Đức T.

Sau khi điều tra, xác minh, Cơ quan CSĐT Công an TP Vũng Tàu ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 11/QĐ-ĐT ngày 20/02/2022 trả lại sợi dây chuyền cho chủ sở hữu là chị Trần Thị Ngọc T; Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 26/QĐ-ĐT ngày 17/3/2022 và số 27/QĐ-ĐT ngày 21/3/2022 trả lại xe mô tô và số tiền 21.000.000 đồng nói trên cho chủ sở hữu là bà Phạm Thị M là mẹ của T.

Số vật chứng, tài sản còn lại được Cơ quan điều tra Công an TP Vũng Tàu chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu quản lý, chờ xử lý.

** Về phần dân sự:* Chị Trần Thị Ngọc T không có yêu cầu gì thêm.

Bản cáo trạng số 177/CT-VKSTPVT ngày 06/7/2022, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố bị cáo Trần Đức T về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d và i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trần Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, tỏ ra ăn năn, hối cải, xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo Trần Đức T về tội “Cướp giật tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d và i khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Đức T từ 5 đến 6 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu giải quyết.

Vật chứng: Trả lại (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu sơn đen, Model A1778 FCC ID: BCG-E3091A IC: 579C-E3091A đã qua sử dụng; 01 (một) tờ tiền mệnh giá 2 USD (hai đô la mỹ); 01 (một) tờ tiền mệnh giá 5 nhân dân tệ cho bị cáo Trần Đức T vì không liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của bị hại, người làm chứng: Bị hại, người làm chứng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét thấy bị cáo, bị hại, người làm chứng đã có đầy đủ lời khai tại Cơ quan điều tra, căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290; Điều 292; Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo

với lời khai của bị hại và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Khoảng 23 giờ 00 ngày 19/02/2022, tại khu vực trên đường Phan Bội Châu, cạnh sân bóng đá mini, Phường 2, thành phố Vũng Tàu, Trần Đức T có hành vi điều khiển xe mô tô Honda Vario màu nâu đen, biển số 59S2-845.78 áp sát rồi dùng tay trái cướp giật sợi dây chuyền trên cổ của chị Trần Thị Ngọc Trúc có giá trị 14.669.000 đồng.

Hành vi bị cáo Trần Đức T đã thực hiện nêu trên đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” thuộc trường hợp “dùng thủ đoạn nguy hiểm” và “thuộc trường hợp tái phạm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d và i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng hành vi phạm tội của bị cáo: Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương và xã hội. Bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện nhằm mục đích có tiền tiêu xài cá nhân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục riêng, răn đe và phòng ngừa chung về tội phạm xã hội.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Không có.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu sơn đen, Model A1778 FCC ID: BCG-E3091A IC: 579C-E3091A đã qua sử dụng; 01 (một) tờ tiền mệnh giá 2 USD (hai đô la mỹ); 01 (một) tờ tiền mệnh giá 5 nhân dân tệ vì không liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Áp dụng điểm d và i khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

1.1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Đức T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

1.2 Xử phạt: Bị cáo **Trần Đức T 05 (năm) năm tù**, thời hạn tù được tính từ ngày 19 tháng 02 năm 2022.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu sơn đen, Model A1778 FCC ID: BCG-E3091A IC: 579C-E3091A đã qua sử dụng; 01 (một) tờ tiền mệnh giá 2 USD (hai đô la mỹ); 01 (một) tờ tiền mệnh giá 5 nhân dân tệ.

Toàn bộ vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu đang quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 188/BB-CCTHADS ngày 12/7/2022.

[4]. Về án phí: Bị cáo Trần Đức T phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7b và Điều 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV06; PC10);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Vũng Tàu;
- Công an thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp.Vũng Tàu;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Châm